

30/8
BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 64/2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
do cơ quan trung ương thực hiện

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Sau khi có ý kiến của Bộ Công nghiệp và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam và nước ngoài khi đăng ký cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại cơ quan trung ương có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, phải nộp phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được quy định cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung công việc thu phí	Mức thu
1	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa	5.000.000
2	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình	4.000.000

3	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền	3.500.000
4	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm	2.000.000

Điều 3. Trường hợp cấp lại, đổi lại giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được trích 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho công việc thẩm định và thu phí, theo nội dung cụ thể sau đây:

a) Chi phục vụ trực tiếp cho việc thẩm định và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

b) Chi khấu hao và sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp cho công việc thẩm định và thu phí;

c) Chi phí vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu phí;

d) Chi thuê dịch thuật và tính toán chuyên môn phục vụ công tác thẩm định;

đ) Chi trả thù lao cho công chức, viên chức đảm nhiệm thêm công việc thu phí ngoài chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thẩm định và thu phí. Mức trích lập 2 quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng năm trước.

2. Cơ quan thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước 10% (mười phần trăm) tiền phí thu được theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002

hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 7. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. *J. Lưu*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung